

Bản án số: 30/2018/HS -ST

Ngày: 20-12-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Kính

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thanh Hiếu

Bà Bùi Thị Thủy

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Bùi Minh Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

Bùi Văn H, sinh ngày 30/04/1993.

Tại: Xóm Q – Xã V – Huyện L – Tỉnh Hòa Bình.

Nơi cư trú: Xóm Q – Xã V – Huyện L – Tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn N, sinh năm 1964 và bà Bùi Thị T, sinh năm 1964; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh số 03/2018/HSST-LCĐKNCT ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, *có mặt tại phiên tòa.*

- **Bị hại:** Bà Trương Thị B, sinh năm 1946

Địa chỉ: Phố C – Xã L - Huyện L – Tỉnh Hòa Bình (*đã chết*)

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Đặng Quang S, sinh năm 1964. Địa chỉ: Phố C – Xã L - Huyện L – Tỉnh Hòa Bình (*có mặt*).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bùi Văn N, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Xóm Q – Xã V – Huyện L – Tỉnh Hòa Bình(*có mặt*).

+ Bùi Văn A, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm Q – Xã V – Huyện L – Tỉnh Hòa Bình (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- **Người làm chứng:**

+ Bà Bùi Thị H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Xóm C – Xã L - Huyện L – Tỉnh Hòa Bình (*vắng mặt*).

+Bà Bùi Thị T, sinh năm 1966

Địa chỉ: Phố C – Xã L - Huyện L – Tỉnh Hòa Bình (*vắng mặt*).

+Ông Bùi Văn G, sinh năm 1977

Địa chỉ: Phố C – Xã L - Huyện L – Tỉnh Hòa Bình (*vắng mặt*).

+Bà Bùi Thị T, sinh năm 1964

Địa chỉ: Xóm Q – Xã V - Huyện L – Tỉnh Hòa Bình (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 16/02/2018, Bùi Văn H (*không có giấy phép lái xe*) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 14P2-7949 của anh trai ruột là Bùi văn A đi theo hướng Yên Thủy – Tân Lạc. Khi đến Km63+850m Quốc lộ 12B thuộc địa phận phố C, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình do không làm chủ phương tiện, đi không đúng phần đường nên đã đâm vào bà Trương Thị B, sinh năm 1946, trú tại phố C, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình đi bộ bên ngoài lề đường bên phải trên vỉa hè phía trước cùng chiều dẫn tới hậu quả bà B bị thương nặng được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình, sau đó tử vong.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông xảy ra ngày 16/02/2018 xác định: Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng, mặt đường bằng phẳng, rải bê tông nhựa, đường hai chiều có giải phân cách bằng vạch sơn đứt đoạn, bên lề đường có hệ thống biển báo hiệu; lòng đường rộng 5,54m; lề phải rộng 0,50m, lề trái rộng 0,50m theo hướng Yên Thủy – Tân Lạc; tại vị trí ngoài lề đường bên phải theo hướng Yên Thủy – Tân Lạc có một xe mô tô BKS 14P2-7949 nằm đổ nghiêng sang trái, đầu xe hướng lề đường trái, đuôi xe hướng lề đường phải; tại vị trí ngoài lề đường phải theo hướng Yên Thủy – Tân Lạc có một vết cà trượt diện 8,80m x 0,05m được xác định là vết cà của để chân phía sau bên trái của xe mô tô BKS 14P2-7949; tại vị trí ngoài lề đường phải hướng Yên Thủy – Tân Lạc có vết mài trượt lớp bánh trước xe mô tô BKS 14P2-7949 diện 2.20m x 0,20m; tại vị trí ngoài lề đường phải theo hướng Yên Thủy – Tân Lạc có một vết cà diện 5,77m x 0,10m là vết cà của để chân trước bên trái xe mô tô BKS 14P2-7949; tại vị trí ngoài lề đường phải theo hướng Yên Thủy – Tân Lạc có 02 vết máu, vết máu một diện 0,62 m x 0,50 m, vết máu hai diện 0,47m x 0,32m; tại vị trí ngoài lề đường phải theo hướng Yên Thủy – Tân Lạc có một nạn nhân nằm nghiêng sang phải, đầu hướng lề đường trái, chân hướng lề đường phải.

Căn cứ vào các dấu vết để lại trên hiện trường và các dấu vết để lại trên phương tiện xác định điểm va chạm giữa xe mô tô 14P2-7949 với người đi bộ nằm ngoài lề đường bên phải theo hướng Yên Thủy – Tân Lạc.

Ngày 16/02/2018, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y tới phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa Bình giám định pháp y tử thi Trương Thị B để xác định rõ nguyên nhân chết. Tại Bản kết luận giám định pháp y số 36 ngày 26/02/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa Bình chuẩn đoán: Nạn nhân bị chấn thương vùng đầu, mặt, ngực, tay, hông,

chân do tác động va đập rất mạnh với vật tày rắn gây nên các tổn thương vỡ xương hộp sọ, gãy xương cánh tay, gãy xương chày cẳng chân, gãy nhiều xương sườn và nhiều vết xây sát, rách da, bầm tím, sung phù nề trên cơ thể nạn nhân. Kết luận: Nạn nhân chết do đa chấn thương.

Ngày 06/03/2018, cơ quan cảnh sát điều tra ra yêu cầu định giá tài sản đối với phần thiệt hại do tai nạn giao thông của xe mô tô BKS 14P2-7949. Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 07 ngày 09/03/2018 kết luận: Giá trị thiệt hại do tai nạn bị hư hỏng của xe mô tô BKS 14P2-7949 là 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*).

Quá trình điều tra xét thấy không có căn cứ xử lý đối với Bùi Văn A, Bùi Văn N là người quản lý hợp pháp xe mô tô BKS 14P2-7949 nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Đồng thời đã trả lại cho anh Bùi Văn A 01 xe mô tô BKS 14P2-7949, nhãn hiệu HONDA; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0024020 theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu bị cáo Bùi Văn H bồi thường tổng số tiền là 177.803.000đ (*một trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm linh ba nghìn đồng*), trong đó số tiền các chi phí mai táng phí là 77.803.000đ (*bảy mươi bảy triệu tám trăm linh ba nghìn đồng*) không có hóa đơn chứng từ và số tiền bồi thường tổn thất về tinh thần 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*). Trước khi mở phiên tòa bị cáo và gia đình đã bồi thường cho gia đình nạn nhân số tiền 33.000.000đ (*ba mươi ba triệu đồng*).

Tại cơ quan điều tra, Bùi Văn H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác mà cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L thu thập được.

Tại bản cáo trạng số 30/CT -VKS ngày 19 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố Bùi Văn H về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự. Thực hành quyền công tố tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện L sau khi xem xét, đánh giá toàn bộ nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; trình bày quan điểm và luận tội: Giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b,s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn H từ 24 đến 30 tháng tù và giải quyết các vấn đề khác theo quy định.

Bị cáo Bùi Văn H đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn truy tố; không nhất trí với yêu cầu bồi thường của đại diện hợp pháp của người bị hại, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại ông Đặng Quang S cơ bản nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn; yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 177.803.000đ (*một trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm linh ba nghìn đồng*) và đề nghị Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với bị cáo theo quy định.

Những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hay yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an huyện L, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi của bị cáo Bùi Văn H thực hiện đã vi phạm khoản 5 Điều 4; khoản 23 Điều 8; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 58 Luật giao thông đường bộ quy định về quy tắc chung và hành vi bị nghiêm cấm:

Khoản 5 Điều 4 Luật giao thông đường bộ quy định: "*Người tham gia giao thông phải có ý thức tự giác, nghiêm chỉnh chấp hành quy tắc giao thông, giữ gìn an toàn cho mình và cho người khác. Chủ phương tiện và người điều khiển phương tiện phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc bảo đảm an toàn của phương tiện tham gia giao thông đường bộ*".

Khoản 23 Điều 8 Luật giao thông đường bộ quy định: "*Hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, hành vi khác gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ*".

Khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ quy định về quy tắc chung: "*Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ*".

Khoản 1 Điều 58 Luật giao thông đường bộ, quy định: "*Người lái xe tham gia giao thông phải đủ độ tuổi, sức khỏe quy định tại Điều 60 của Luật này và có giấy phép lái xe phù hợp với loại xe được phép điều khiển do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp*".

Hội đồng xét xử xét thấy lời khai nhận của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ khác như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi và kết luận giám định pháp y, lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, việc bị cáo Bùi Văn H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật đồng thời có đủ cơ sở kết luận bị cáo Bùi Văn H phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm hại tới trật tự công cộng, trật tự an toàn giao thông là khách thể được luật hình sự nước CHXHCN Việt Nam nghiêm cấm và bảo vệ. Đồng thời hành vi phạm tội của bị cáo còn gây thiệt hại về tính mạng cho người khác.

Xét hành vi của bị cáo gây hậu quả nghiêm trọng. Trong vụ án này đáng lẽ ra bị cáo phải thấy trước và buộc phải thấy trước hậu quả nguy hiểm có thể xảy ra cho

mình và người khác từ việc điều khiển xe mô tô tham gia giao thông phóng nhanh, chạy lấn vĩa hè, nhưng do cầu thả không tuân thủ quy tắc tham gia giao thông nên đã gây tai nạn dẫn hậu quả tới chết người. Lỗi của bị cáo trong vụ án này là lỗi vô ý do cầu thả. Do vậy, bị cáo Bùi Văn H phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã thực hiện.

Xét mối quan hệ nhân quả của vụ án: Việc bị cáo điều khiển xe mô tô tham gia giao thông không có giấy phép lái xe, không tuân thủ quy tắc về tham gia giao thông đường bộ, lấn chiếm vĩa hè của người đi bộ là nguyên nhân trực tiếp và chủ yếu gây nên tai nạn.

[4] Xét nhân thân, bị cáo Bùi Văn H có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường khắc phục một phần hậu quả; khi vụ án xảy ra gia đình bị cáo đã đến thăm hỏi và hỗ trợ số tiền 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) cho gia đình người bị hại. Mặc dù hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nhưng trước khi mở phiên tòa bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*). Đây là những tình tiết cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và có cơ sở áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự trong quá trình lượng hình.

Bị cáo Bùi Văn H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Xét thấy những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chưa có đủ cơ sở để xem xét trách nhiệm của những người này. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và tình tiết cụ thể của vụ án. Hội đồng xét xử, xét thấy cần thiết phải có một hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Do đó, việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục cải tạo bị cáo cũng như đáp ứng mục đích đấu tranh phòng ngừa phạm tội phạm trên địa bàn là cần thiết.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Song xem xét cụ thể trường hợp của bị cáo, xét thấy việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là không có tính khả thi. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu bị cáo Bùi Văn H bồi thường số tiền 177.803.000đ (*một trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm linh ba nghìn đồng*). Xét thấy, yêu cầu bồi thường của đại diện hợp pháp của người bị hại tuy không có hóa đơn chứng từ nhưng là thiệt hại thực tế và các chi phí hợp lý; thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi của bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần và yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho đại diện hợp pháp của người bị hại những khoản sau:

* Chi phí mai táng phí: 77.803.000đ (*bảy mươi bảy triệu tám trăm linh ba nghìn đồng*).

* Tiền bù đắp tổn thất tinh thần tương đương với 40 tháng lương tối thiểu: 1.390.000đ x 40 tháng = 55.600.000đ (*năm mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Tổng cộng bị cáo Bùi Văn H phải bồi thường cho đại diện hợp pháp của người bị hại số tiền 133.403.000đ (*một trăm ba mươi ba triệu, bốn trăm linh ba nghìn đồng*); bị cáo được đối trừ 33.000.000đ (*ba mươi ba triệu đồng*) đã nộp trước khi mở phiên tòa, nay còn tiếp tục phải bồi thường số tiền 100.403.000đ (*một trăm triệu bốn trăm linh ba nghìn đồng*).

[9] Về án phí: Bị cáo Bùi Văn H thuộc diện hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí nên có cơ sở miễn toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn H phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn H 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; điều 584; 591; khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Bùi Văn H phải bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 133.403.000đ (*một trăm ba mươi ba triệu, bốn trăm linh ba nghìn đồng*); bị cáo được đối trừ 33.000.000đ (*ba mươi ba triệu đồng*) đã nộp trước khi mở phiên tòa, nay còn tiếp tục phải bồi thường số tiền 100.403.000đ (*một trăm triệu bốn trăm linh ba nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, nếu chậm trả thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự cho bị cáo Bùi Văn H.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án hoặc trích lục án được niêm yết công khai hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Hòa Bình (b/c)
- VKSND tỉnh Hòa Bình
- VKSND huyện L
- Công an huyện L
- Chi cục THADS L
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình
- UBND xã V
- Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại;
người có QLNVLQ
- Hồ sơ vụ án
- Lưu TA

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Văn Kính